TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:17/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 08/12/2022
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Tân
Ông Nguyễn Xuân Trường

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Thúy Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Bùi Thị Hậu- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 24/2022/TLPT-HNGĐ ngày 24/10/2022, về việc *" Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*. Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 30/2022/HNGĐ- ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXXPT – HNGĐ ngày 17/11/2022 giữa:

1. Nguyên đơn : Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1989.

Nơi ĐKHKTT : Đội 2, xã Thượng V, huyện Kim T, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay : Xóm 7, xã Tràng Đ, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

2. Bị đơn : Anh **Nguyễn Hữu N**, sinh năm 1989.

Địa chỉ : Đội 2, xã Thượng V, huyện Kim T, tỉnh Hải Dương (có mặt).

3. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Hữu N (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thượng V, huyện Kim T, tỉnh Hải Dương vào ngày 09/7/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng bố mẹ đẻ anh N tại xã Thượng

V. Đến tháng 11/2020 thì chị và anh N phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N mắt kém, chơi bời cờ bạc, không chịu làm ăn và không quan tâm đến gia đình, vợ con, chị nhiều lần khuyên can thì anh N xúc phạm chị và bố mẹ chị bằng những lời lẽ thô tục. Do chị mới sinh con nên chưa đi làm, anh N chửi bới cho rằng chị ăn bám bố mẹ chồng dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột. Tháng 4/2021 chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở Tuyên Quang sinh sống, sau đó chị có quay về nhà chồng một lần nhưng bị mẹ chồng xúc phạm nên chị không đưa con về nữa. Trong thời gian mẹ con chị ở Tuyên Quang, anh N có một vài lần lên tìm chị, nhưng vợ chồng vẫn cãi chửi nhau, không tìm thấy tiếng nói chung. Đến nay chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân từ lâu nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu N.

2. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Lam A, sinh ngày 15/11/2020. Từ khi vợ chồng sống ly thân chị và con về gia đình mẹ đẻ ở thành phố Tuyên Quang sinh sống, anh N không quan tâm, đóng góp kinh tế để chị nuôi con. Khi ly hôn, do con chung mới được 20 tháng tuổi và là con gái nên chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu N trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng bố mẹ đẻ anh tại xã Thượng V, huyện Kim Thành. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, không có mâu thuẫn. Tháng 4/2021 giữa anh và chị H phát sinh mâu thuẫn về việc chăm sóc con, nên chị H đã đưa con về Tuyên Quang sinh sống. Anh đã nhiều lần liên lạc với chị H nhưng bị chị H chặn số, anh có lên Tuyên Quang thăm con nhưng chị H và gia đình không cho gặp, do đó anh không biết cụ thể mâu thuẫn của vợ chồng là gì. Nay anh có nguyện vọng, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Trường hợp chị H vẫn nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì đó là quyền của chị H và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Nguyễn Lam A, sinh ngày 15/11/2020. Hiện cháu đang ở với chị H tại thành phố Tuyên Quang. Trường hợp vợ chồng ly hôn, do cháu mới được 20 tháng tuổi và là cháu gái nên anh đồng ý để chị H nuôi con. Anh đồng ý việc chị H không yêu cầu anh phải cấp dưỡng tiền nuôi con, vì hiện nay anh chưa có việc làm, không có thu nhập.

3. Về tài sản chung , nợ chung v ợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 30/2022/HNGĐ- ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương đã căn cứ các Điều 51,

Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Hữu N.

- *Về con chung*: Giao cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Lam A, sinh ngày 15/11/2020. Thời điểm thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tính từ tháng 9/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H về việc không yêu cầu anh Nguyễn Hữu N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/9/2022 anh Nguyễn Hữu N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Anh không đồng ý ly hôn, đề nghị cấp phúc thẩm xử cho anh và chị H đoàn tụ, đề nghị được nuôi con chung là Nguyễn Lam Anh.

Tại phiên tòa, anh N vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Chị H có quan điểm không chấp nhận kháng cáo của anh N, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thư ký, Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng*:* Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ lời khai của các đương sự cho thấy thực tế anh N và chị H đã có thời gian dài sống ly thân, vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc giúp đỡ nhau nên có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án cấp sơ thẩm xử cho chị H ly hôn anh N là phù hợp. Về con chung do cháu Lam A còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình, Tòa án cấp sơ thẩm giao

cháu Lam Anh cho chị H nuôi dưỡng là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí: Anh N phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xác minh thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Hữu N kháng cáo trong thời gian luật định, nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Hữu N, Hội đồng xét xử thấy: Anh N kháng cáo cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên bản thân anh N thừa nhận từ tháng 4/2021 giữa anh và chị H đã phát sinh mâu thuẫn về việc chăm sóc con, nên chị H đã đưa con về Tuyên Quang sinh sống. Anh N cũng nhiều lần liên lạc và lên Tuyên Quang để gặp gỡ nói chuyện với chị H nhưng vợ chồng vẫn bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiêng nói chung, mỗi người sống một nơi.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H cũng như gia đình chị đều xác định ngay sau khi kết hôn 4 tháng vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Thực tế anh chị kết hôn từ tháng 7/2020 thì đến tháng 4/2021 chị H đã bỏ về Tuyên Quang sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay và không quan tâm đến nhau. Anh N có lên Tuyên Quang gặp chị nhưng vợ chồng vẫn không hóa giải được mâu thuẫn mà vẫn cãi, chửi nhau. Mặt khác tại phiên tòa anh N cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm, lý do anh xin đoàn tụ là vì con chung.

Như vậy, thực tế cho thấy mâu thuẫn giữa anh N và chị H đã trầm trọng và kéo dài. Anh N không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, nhưng anh cũng không đưa ra được biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xác định vợ chồng không còn tình cảm và xin được ly hôn anh N, do vậy Hội đồng xét xử thấy, nếu anh chị về sống chung với nhau vợ chồng cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xử cho anh chị ly hôn là có căn cứ.

Xét yêu cầu xin được nuôi con của anh N, Hội đồng xét xử thấy: Thực tế cháu Nguyễn Lam A dưới 36 tháng tuổi và từ nhỏ đã ở với mẹ. Chị H hiện có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Tại cấp sơ thẩm anh N thừa nhận hiện anh chưa có công ăn việc làm và không có thu nhập, do vậy không đủ điều kiện nuôi con. Mặt khác theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình quy định "*…Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*". Tại phiên tòa chị H vẫn giữ

nguyên quan điểm xin được nuôi con. Anh N cho rằng anh có công việc và thu nhập ổn định nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Do vậy, Tòa án sơ thẩm giao cháu Lam A cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ.

Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Từ phân tích trên cho thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Hữu N.

[3] Về án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm: Anh N kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Hữu N. Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 30/2022/HNGĐ-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ các Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Hữu N.

- *Về con chung*: Giao cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Lam A, sinh ngày 15/11/2020. Thời điểm thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tính từ tháng 9/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H về việc không yêu cầu anh Nguyễn Hữu N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Các đương sự đều xác định không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí chị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh hải Dương theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2020/0004725 ngày 19/7/2022. Chị H đã thực hiện xong án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

2. Về án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm: Anh Nguyễn Hữu N phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ phúc thẩm, được đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí HNGĐ phúc thẩm anh N đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0004832 ngày 26/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành. Anh N đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Bản án Hôn nhân gia đình phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:
- *VKS tỉnh Hải Dương;*
- *TAND huyện Kim thành;*
- *Chi cục THA dân sự huyện Kim Thành;*
- *Các Đương sự;*
- *Lưu;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền